

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0652001-8 - Cơ lý thuyết

STC : 4(60,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Quốc	Hưng	3551010037	20/03/1993	4,90		4,90	
2	Dương Xuân	Nam	3551010039	19/04/1993	4,10		4,10	
3	Trần Văn	Nam	3551010079	19/05/1993	4,40		4,40	
4	Vũ Đình	Hiển	3551010085	22/03/1993	3,50		3,50	
5	Trịnh Thanh	Huy	3551010257	30/04/1993	6,10		6,10	
6	Trần Trung	Hiếu	3551010306	20/08/1993	6,00		6,00	
7	Phan Văn	Thắng	3551010375	28/10/1993	4,40		4,40	
8	Phạm Thanh	Tú	3551010387	30/07/1993	4,10		4,10	
9	Phạm Minh	Phú	3651010001	08/12/1994	4,10		4,10	
10	Đào Văn	Khang	3651010018	19/11/1993	,90		,90	Nợ HP
11	Lê Hoàng	Anh	3651010019	20/10/1994	4,60		4,60	
12	Đặng Hải	Dương	3651010032	02/09/1993	3,80		3,80	
13	Đinh Văn	Tuấn	3651010038	10/06/1994	1,10		1,10	Nợ HP
14	Trần Đức	Liêm	3651010045	21/01/1994	3,70		3,70	Nợ HP
15	Lê Quang	Phúc	3651010059	10/04/1992	4,90		4,90	
16	Đặng Đình	Phong	3651010070	05/10/1993	3,90		3,90	
17	Nguyễn Trần	Huy	3651010090	04/01/1993	4,60		4,60	
18	Lê Văn	Tĩnh	3651010100	28/09/1994	5,40		5,40	
19	Lưu Thế	Vinh	3651010115	07/01/1992	4,10		4,10	
20	Mai Tấn	Tài	3651010124	05/08/1993	4,90		4,90	
21	Bùi Thượng	Uy	3651010136	18/03/1994	,00		,00	Nợ HPC
22	Nguyễn Đức	Minh	3651010148	16/03/1994	1,10		1,10	Nợ HP
23	Phạm Tuấn	Em	3651010163	24/10/1994	6,30		6,30	
24	Võ Văn	Hiển	3651010315	26/06/1993	5,60		5,60	
25	Nguyễn Thanh	Diễm	3651010336	15/09/1993	,00		,00	Nợ HPC
26	Lê Xuân	Hữu	3652010165	12/12/1994	7,00		7,00	
27	Đỗ Công	Bằng	3654010003	01/02/1994	2,10		2,10	
28	Vương Hoàng	Thạch	3654010150	17/02/1994	4,30		4,30	
29	Thái Văn	Tú	3655010006	08/05/1994	,00		,00	Nợ HPC
30	Nguyễn Duy Nhất	Tâm	3655010008	01/10/1994	2,70		2,70	
31	Nguyễn Tuấn	Duy	3655010030	18/03/1993	4,80		4,80	
32	Nguyễn Đình	Trường	3655010049	18/09/1994	,00		,00	Nợ HPC
33	Trần Văn	Hoàng	3655010077	12/10/1994	5,40		5,40	
34	Trương Hoàng	Lâm	3655010088	28/03/1993	6,80		6,80	
35	Huỳnh Tôn	Giang	3655010099	17/11/1993	7,20		7,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Đỗ Nguyễn Hoàng	Tuấn	3655010108	02/11/1994	4,10		4,10	
37	Trương Trung	Nghĩa	3655010145	02/01/1994	6,80		6,80	
38	Lê Văn	Khanh	3655010312	14/11/1994	1,40		1,40	
39	Võ Phước	Hoàn	3655010317	14/09/1993	3,90		3,90	
40	Đoàn Minh	Hiếu	3655010320	22/12/1994	7,00		7,00	
41	Lê Đình	Huân	3655010337	09/04/1994	5,90		5,90	
42	Dương Khải	Văn	3655010339	22/07/1994	5,90		5,90	
43	Phạm Minh	Dũng	3655010356	25/08/1994	6,20		6,20	
44	Lê Ngọc	Sơn	3655010362	23/05/1993	5,10		5,10	
45	Từ Thành	Công	3655010370	13/06/1994	8,90		8,90	
46	Nguyễn Văn	Tây	3655010373	07/10/1994	,00		,00	Nợ HP
47	Nguyễn Văn	Thức	3655010381	08/04/1994	5,60		5,60	
48	Trần Tử Bắc	Trung	3655010388	08/10/1994	4,50		4,50	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)